TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-02-2023
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Vượng**.

2. Ông **Ma Quốc Thể**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Trần Thị Minh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Hữu Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Đ** – Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D** (Tên gọi khác: **Nguyễn Năng Dung**) – Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Mai Thị Đ có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông D trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà và ông D chung sống với nhau tại thôn S, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình; ông D không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống gia đình. Năm 2020, bà Đ đã làm đơn xin ly hôn với

ông D, nhưng vì thương con cái và muốn cho ông D cơ hội để thay đổi nên bà đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn, ông D không thay đổi, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn. Tháng 11/2022, bà Đ đã cùng cháu L chuyển về sinh sống tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và sống ly thân với ông D từ đó đến nay. Bà Đ xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông D ly hôn với nhau để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà Đ và ông D có hai con chung.

- Cháu Nguyễn Quốc T – Sinh ngày: 21/8/2002.

- Cháu Nguyễn Phương L – Sinh ngày: 09/7/2012.

Hiện tại, cháu T đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, bà Đ có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi cháu L trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai và biên bản làm việc với Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn D có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đ trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông và bà Đ chung sống với nhau tại thôn S, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình. Ông D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và muốn vợ chồng quay về chung sống với nhau nên không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của bà Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông D và bà Đ có hai con chung.

- Cháu Nguyễn Quốc T – Sinh ngày: 21/8/2002.

- Cháu Nguyễn Phương L – Sinh ngày: 09/7/2012.

Hiện tại, cháu T đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông D có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi cháu L trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu bà Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Ông D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Qua xác minh cho thấy, bà Đ và ông D chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2002 theo

quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống với nhau tại thôn S, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Năm 2020, bà Đ đã làm đơn xin ly hôn với ông D nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra. Bà Dung đã cùng con gái đã chuyển đi nơi khác sinh sống.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của bà Mai Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Mai Thị Đ và ông Nguyễn Văn D ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương L – Sinh ngày: 09/7/2012 cho bà Mai Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 10/02/2023. Ông Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Quốc T – Sinh ngày: 21/8/2002 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường, bà Đ và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

4. Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Mai Thị Đ và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà Đ khởi kiện về việc xin ly hôn với ông D và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là

“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn Nguyễn Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Đ và ông Nguyễn Văn D xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc làm ăn kinh tế, vợ chồng không hòa T, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau.

HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông D cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, vợ chồng đã từng rút đơn về đoàn tụ với nhau nhưng bà Đ và ông D cũng không thể hòa giải, hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ đối với ông D là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ, cơ sở để chấp nhận quan điểm không nhất trí ly hôn với bà Đ của ông D.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà Đ và ông D có hai con chung.

- Cháu Nguyễn Quốc T – Sinh ngày: 21/8/2002.

- Cháu Nguyễn Phương L – Sinh ngày: 09/7/2012.

Đối với cháu Nguyễn Quốc T đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường, các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Phương L, bà Đ có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L; ông D cũng có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L.

HĐXX nhận thấy: Cháu L đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, giáo dục một cách thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và nhân cách. Từ khi sống ly thân với nhau, cháu L sinh sống cùng bà Đ, bà vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L. Bà Đ và ông D cùng có nơi cư trú rõ ràng; công việc, thu nhập ổn định nên đảm bảo được về thời gian, điều kiện sinh hoạt, học tập cho con. Quá trình nuôi con, bà Đ và ông D không vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của con. Cháu L có quan điểm muốn được ở cùng mẹ là bà Đ, phù hợp với quan điểm của bà Đ.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, để ổn định cuộc sống, không làm xáo trộn môi trường sống và học tập của cháu

L, cần chấp nhận nguyện vọng của bà Đ và không chấp nhận nguyện vọng của ông D về việc nuôi con chung. Giao cháu L cho bà Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Mai Thị Dung là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của bà Mai Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Mai Thị Đ và ông Nguyễn Văn D ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương L – Sinh ngày: 09/7/2012 cho bà Mai Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 10/02/2023. Ông Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Bà Mai Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0002529 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Bà Mai Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí*).

5. Quyền kháng cáo: Bà Mai Thị Đ và ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Cường